

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN P
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/8/2019
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Long

2. Ông Nguyễn Ngọc Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Thảo, là thư ký Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 103/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Cẩm T**, sinh năm 1970; nơi cư trú: X khu vực Y, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1969; nơi cư trú: ấp V, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: bà và ông Trần Ngọc H tự nguyện tìm hiểu, sống chung vào năm 1987. Ông bà có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc làm ăn, nên thường xảy ra cự cãi với nhau không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ năm 1999. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông H. Về con chung: ông bà có hai con chung là Trần Ngọc N (nam) sinh ngày 27/7/1988 và Trần Thị Ngọc Th (nữ) sinh ngày 13/7/1990, hiện các con đã trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung đều không có.

Bị đơn - ông Trần Ngọc H trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà T, ông và bà T chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, nay ông đồng ý ly hôn. Về con chung, có hai con chung là Trần Ngọc N (nam) sinh ngày 27/7/1988 và Trần Thị Ngọc Th (nữ) sinh ngày 13/7/1990. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Ngọc H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, ngày 15/5/2019 bà T có đơn yêu cầu ly hôn. Bị đơn có đăng ký thường trú tại huyện P nên Tòa án nhân dân huyện P thụ lý vụ án Tranh chấp ly hôn giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào tháng 11/1987, đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà T và ông H không còn sống chung với nhau từ năm 1999 cho đến nay. Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, ông bà thống nhất ly hôn nhưng do ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội để không công nhận bà T và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung, bà T và ông H có hai người con chung là Trần Ngọc N (nam) sinh ngày 27/7/1988 và Trần Thị Ngọc Th (nữ) sinh ngày 13/7/1990 đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét vấn đề nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, bà T, ông H thống nhất là không có.

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Trần Ngọc H là vợ chồng.

- *Về con chung*: Trần Ngọc N (nam) sinh ngày 27/7/1988 và Trần Thị Ngọc Th (nữ) sinh ngày 13/7/1990 đã thành niên.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà T nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 001319 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H. P;
- THA H. P;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa